TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 15/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 345/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị M (Bà S) – sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Chị Phạm Thị Hằng N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bé B (D) – sinh năm 1980;

Anh Nguyễn Minh Q – sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

Ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Mộng C, sinh năm 1987.

Anh Phan Thanh E, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị N, chị B; Anh Q, chị C, anh E có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017, đơn khởi kiện, bản tự khai bổ sung và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phan Thị M có chị Phạm Thị Hằng N là đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị M trình bày: Bà M có tham gia chơi 02 dây hụi do chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi mở ngày 10/7/2016 (AL), loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần. Mãn hụi vào ngày 10/9/2018 (AL). Bà đã đóng được 14 kỳ thì vỡ hụi. Số tiền bà đã đóng là 29.705.000 đồng.

- Dây 2: Hụi mở ngày 25/02/2016 (AL), loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 28 phần, bà tham gia 02 phần. Mãn hụi ngày 25/5/2018 (AL). Bà đã đóng được 18 kỳ thì vỡ hụi. Số tiền bà đã đóng là 24.650.000 đồng.

Tổng số tiền bà đã đóng ở 2 dây hụi là 54.355.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B, anh Nguyễn Minh Q phải trả cho bà số tiền nợ hụi 54.355.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai đề ngày 21/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B trình bày: Chị thống nhất với ý kiến trình bày của bà Phan Thị M về dây hụi, thời gian mở hụi, số hụi viên và số tiền hụi bà M đã đóng. Nay bà M yêu cầu chị trả số tiền hụi còn nợ lại là 54.355.000 đồng, chị đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ. Việc chơi hụi giữa chị và các hụi viên thì chồng chị là anh Nguyễn Minh Q không biết, anh Q chỉ biết chị có làm đầu thảo hụi và khui hụi tại nhà mà thôi, chị là người mở hụi chị sẽ đứng ra trả nợ cho các hụi viên.

* Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Minh Q trình bày: Vợ anh là chị Nguyễn Thị Bé B tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi cho các anh chị em tham gia chơi hụi như thế nào anh không hề biết. Anh chạy xe lôi và đi làm công ty cả ngày cả đêm nên không biết hụi của vợ anh. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà M buộc anh có trách nhiệm liên đới với chị Nguyễn Thị Bé B trả tiền hụi cho các hụi viên là không đúng. Anh không đồng ý trả và không tham gia vụ kiện.

* Tại bản tự khai đề ngày 30/10/2017 anh Phan Thanh E và chị Phạm Thị Mộng C trình bày: Bà của anh E và chị C là bà Phan Thị M có tham gia 02 phần hụi 1.000.000 đồng/ tháng mở ngày 25/02/2016, có 28 phần do chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q làm chủ hụi. Vì lúc tham gia bà M có nói chị D là tham gia để dành dụm sau này anh chị có vốn làm ăn sinh sống nên chị D mới ghi trong danh sách hụi viên là tên H1 bà S và E bà S. Nhưng thực chất bà M dùng tiền tiết kiệm của bà và tiền anh chị cho bà tiêu xài để tham gia chơi hụi. Anh chị không liên quan cũng không tranh chấp gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M. Buộc chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị M số tiền hụi 54.355.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Minh Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh E và chị Phạm Thị Mộng C có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị C, anh E là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Phan Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q trả số tiền nợ hụi 54.355.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội D: Tại phiên tòa sơ thẩm chị Phạm Thị Hằng N và chị Nguyễn Thị Bé B khai thống nhất việc bà Phan Thị M có tham gia 02 dây hụi do chị Nguyễn Thị Bé B làm đầu thảo, hiện chị B còn nợ số tiền hụi 54.355.000 đồng. Nay bà Phan Thị

M yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q liên đới trả số tiền là 54.355.000 đồng trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B đồng ý trả cho bà Phan Thị M số tiền hụi 54.355.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, còn bị đơn anh Nguyễn Minh Q không đồng ý liên đới cùng với chị Nguyễn Thị Bé B trả số tiền nợ hụi này vì anh cho rằng anh không có tham gia hụi cùng với chị Bé B.

Xét thấy, bà Phan Thị M là hụi viên từ năm 2016 có tham gia 02 dây hụi do chị Nguyễn Thị Bé B làm đầu thảo, chị Bé B thừa nhận còn nợ bà M số tiền 54.355.000 đồng như bà M yêu cầu. Do đó, bà Phan Thị M yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B trả số tiền hụi 54.355.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 18, 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Ngoài ra, bà Phan Thị M có yêu cầu anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ liên đới cùng với chị Nguyễn Thị Bé B trả số tiền nợ hụi là 54.355.000 đồng, trả một lần số tiền hụi này. Anh Q không đồng ý trả số tiền nợ hụi cùng với chị Bé B do anh không có tham gia hụi cùng với vợ anh. Xét theo lời khai của anh Q tại bản tự khai ngày 25/11/2017 anh cho rằng anh không tham gia mở hụi cùng với chị Bé B, nhưng theo lời trình bày của chị Bé B tại biên bản ghi lời khai ngày 21/11/2017 đã xác định anh Q biết chị Bé B làm chủ hụi, toàn bộ số tiền hốt hụi chị sử dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và hụi được khui tại nhà của anh chị. Mặc dù, anh Q không trực tiếp tham gia hụi nhưng chị Bé B sử dụng số tiền hốt hụi để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, anh Q là chồng của chị Bé B đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cùng với chị Bé B theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về yêu cầu xin trả dần: Tại phiên toà chị Bé B đồng ý trả cho bà M số tiền hụi 54.33.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà M không đồng ý, bà M yêu cầu trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà M là có cơ sở chấp nhận do chị Bé B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc chị Bé B xin trả dần gây thiệt thòi cho quyền lợi của bà M và cũng không được bà M chấp nhận. Do đó, chị Nguyễn Thị Bé B, anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ trả

số tiền 54.355.000 đồng cho bà Phan Thị M, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M, buộc chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 54.355.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về nguồn tiền chơi hụi và đóng hụi của bà Phan Thị M, anh Phan Thanh E và chị Phạm Thị Mộng C trình bày anh chị không có liên quan đến vụ kiện và cũng không tranh chấp đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Bé B có đơn xin giảm án phí đề ngày 21/12/2017 với lý do hoàn cảnh của chị quá khó khăn, chị là chủ hụi nhưng bị bể hụi, chị đang thiếu nợ tiền hụi của nhiều người nên không có khả năng đóng trả án phí. Xét yêu cầu xin giảm án phí của chị không phù hợp với điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên không có cơ sở chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên buộc chị Bé B và anh Q có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.718.000 đồng.

[7] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 184, Điều 185, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 13, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

1. Buộc anh Nguyễn Minh Q và chị Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị M số tiền hụi 54.355.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh Q và chị Nguyễn Thị Bé B phải chịu 2.718.000 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phan Thị M số tiền tạm ứng án phí là 1.358.000 đồng theo biên lai thu tiền số 14929 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

Trần Kim Loan